

- Chủ tịch: Cục trưởng hoặc Phó Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

- Các Phó Chủ tịch: Phó Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

- Các thư ký: Chuyên viên của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

- Các ủy viên chấm thi: được chọn trong số các chuyên gia khoa học, chuyên viên, nghiên cứu viên, giảng viên có uy tín khoa học ở các trường đại học và các cơ quan giáo dục Trung ương và địa phương."

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Hiệu trưởng các trường đại học có các khối lớp trung học phổ thông chuyên và Hiệu trưởng trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO

Nguyễn Minh Hiền

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 11/2004/TT-BTC ngày 25/02/2004 hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế mở Chu Lai.

Căn cứ vào Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20/5/1998, Luật Đầu tư nước ngoài ngày 12/11/1996, Luật Đầu tư nước ngoài (sửa đổi) ngày 09/6/2000, các Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 17/6/2003;

Căn cứ Quyết định số 108/2003/QĐ-TTg ngày 05/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế mở Chu Lai,

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế mở Chu Lai như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng:

Chế độ tài chính quy định tại Thông tư này được áp dụng trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai (sau đây viết tắt là Khu kinh tế mở Chu Lai), bao gồm: thị trấn Núi Thành và các xã Tam Nghĩa (không bao gồm sân bay Chu Lai và một số địa điểm do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định), Tam Quang, Tam Hải, Tam Giang, Tam Hòa, Tam Hiệp, Tam Anh, Tam Tiến, Tam Xuân 1 thuộc huyện Núi Thành; các xã Tam Thanh, Tam

Phú, Tam Thăng và phường An Phú thuộc thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng các chính sách ưu đãi về tài chính quy định trong Thông tư này là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế mở Chu Lai, bao gồm:

a) Các nhà đầu tư trong nước thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, các hộ kinh doanh cá thể và các cá nhân hành nghề độc lập.

b) Các tổ chức, cá nhân nước ngoài bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động theo các hình thức quy định tại Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Chỉ các hoạt động kinh doanh được tiến hành trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai mới được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh cả trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai và trong nội địa Việt Nam thì phải hạch toán riêng các hoạt động kinh doanh trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai làm căn cứ xác định chế độ ưu đãi.

Đối với các doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 05 tháng 6 năm 2003 mà chưa hưởng đủ ưu đãi, doanh nghiệp phải đề nghị cơ quan cấp

giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ghi bổ sung làm căn cứ để hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Thông tư này.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai được hưởng ưu đãi tối đa dành cho các dự án đầu tư ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1996, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 9 tháng 6 năm 2000, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) ngày 20 tháng 5 năm 1998, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng và các ưu đãi theo điều ước quốc tế, các hợp đồng thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

4. Nếu các văn bản pháp luật quy định các mức ưu đãi khác nhau về cùng một trường hợp thì được áp dụng mức ưu đãi cao nhất. Trường hợp các cơ chế chính sách mới ban hành ưu đãi hơn các quy định tại thông tư này thì được áp dụng chính sách mới.

5. Khu thuế quan, khu phi thuế quan và nội địa Việt Nam trong Thông tư này được hiểu như sau:

- Khu phi thuế quan là khu vực cách biệt với các khu vực khác trong Khu kinh tế mở Chu Lai, có đặt trạm Hải quan để giám sát, kiểm tra hàng hóa ra vào và được hưởng các ưu đãi đặc biệt về thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế giá trị gia tăng; và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định tại Thông tư này.

- Khu thuế quan là Khu kinh tế mở Chu Lai không bao gồm khu phi thuế quan.

- Nội địa Việt Nam là lãnh thổ nước Việt Nam không bao gồm Khu kinh tế mở Chu Lai.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CHO CÁC DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI

1. Chế độ ưu đãi về thuế, phí và lệ phí:

1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Các dự án đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế; được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm kế tiếp; được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Đơn vị có trách nhiệm trình cơ quan thuế trực tiếp quản lý Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp, trong đó ghi rõ thời gian miễn thuế, giảm thuế để được hưởng ưu đãi.

- Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất thì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp

cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại tối đa là 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa là 7 năm tiếp theo.

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hoạt động kinh doanh trong Khu kinh tế mở Chu Lai, sau khi đã quyết toán với cơ quan thuế mà bị lỗ thì được chuyển lỗ sang những năm sau để trừ vào thu nhập chịu thuế. Thời gian được chuyển lỗ không quá 5 năm.

- Thu nhập chịu thuế đối với khoản thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất gắn với kết cấu hạ tầng, vật kiến trúc trên đất phải nộp thuế thu nhập theo quy định tại Mục C của Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

1.2.1. Các quan hệ hàng hóa, dịch vụ giữa khu phi thuế quan với khu thuế quan trong Khu kinh tế mở Chu Lai và với trong nước là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu và phải tuân thủ mọi quy định của pháp luật hiện hành về xuất khẩu, nhập khẩu. Cụ thể như sau:

a) Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất xứ từ khu thuế quan, từ nội địa Việt Nam và từ nước ngoài nhập vào khu phi thuế quan.

b) Thuế nhập khẩu đối với các loại hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập vào

khu thuế quan và nội địa Việt Nam thực hiện theo quy định sau:

- Hàng hóa có xuất xứ từ nước ngoài nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan nếu phần giá trị hàng hóa xuất xứ ASEAN chiếm từ 40% trở lên và được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D, thì được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi CEPT khi nhập vào khu thuế quan và nội địa Việt Nam

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan nếu không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài, khi nhập khẩu vào khu thuế quan và nội địa Việt Nam không phải nộp thuế nhập khẩu.

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan có sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài, khi nhập khẩu vào nội địa Việt Nam chỉ phải nộp thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa đó.

- Căn cứ để xác định thuế nhập khẩu phải nộp đối với phần nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài cấu thành trong hàng hóa nhập vào nội địa Việt Nam gồm:

+ Giá trị từng loại nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu cấu thành trong mỗi đơn vị hàng hóa (được tính bằng giá nhập khẩu từ nước ngoài (CIF) hoặc giá trên thị trường nội địa của nguyên liệu, linh

kiện cùng loại (đơn vị tính VND) nhân với định mức tiêu hao của từng loại nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu trong mỗi đơn vị hàng hóa do đơn vị tự xây dựng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của định mức tiêu hao này).

+ Số lượng hàng hóa nhập khẩu vào nội địa Việt Nam,

+ Thuế suất thuế nhập khẩu đối với từng loại nguyên liệu, linh kiện.

- Thủ tục đăng ký, kê khai hàng hóa nhập vào khu thuế quan, vào nội địa Việt Nam và nộp thuế được thực hiện theo quy định tại Mục C Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 và Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan khi xuất khẩu ra nước ngoài được miễn thuế xuất khẩu.

d) Hàng hóa thuộc diện chịu thuế xuất khẩu đưa vào khu phi thuế quan từ nội địa Việt Nam và từ khu thuế quan trong Khu kinh tế mở Chu Lai để xuất khẩu ra nước ngoài phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định hiện hành.

1.2.2. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất,

vật tư, linh kiện trong 5 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

1.3. Thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong khu phi thuế quan không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, bao gồm: hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, cung ứng và tiêu thụ trong khu phi thuế quan; từ nước ngoài nhập vào khu phi thuế quan hoặc sản xuất từ nội địa và khu thuế quan xuất trực tiếp vào khu phi thuế quan.

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu phi thuế quan xuất khẩu ra nước ngoài không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ khu phi thuế quan nhập vào khu thuế quan và nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành.

- Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nếu mượn đường, quá cảnh qua khu phi thuế quan trên cơ sở hiệp định đã ký kết giữa hai Chính phủ hoặc ngành, địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép để tạm nhập tái xuất thì không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Trường hợp mượn đường để vận chuyển hàng hóa bình thường thì vẫn chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định hiện hành.

1.4. Thuế giá trị gia tăng:

- Hàng hóa, dịch vụ sản xuất và tiêu thụ trong khu phi thuế quan không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

- Hàng hóa, dịch vụ từ nước ngoài nhập khẩu vào khu phi thuế quan không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

- Hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam và khu thuế quan xuất vào khu phi thuế quan được hưởng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%.

- Hàng hóa, dịch vụ từ khu phi thuế quan nhập vào khu thuế quan và nội địa Việt Nam phải chịu thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu với thuế suất theo quy định hiện hành.

1.5. Các loại thuế khác, giá, phí và lệ phí:

- Mức giá sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, tiện ích công cộng và các dịch vụ chung cho Khu kinh tế mở Chu Lai về đường giao thông, bến cảng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, điện chiếu sáng, điện, nước, thông tin liên lạc,... là mức giá thỏa thuận giữa các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng và các đối tượng sử dụng.

- Đối với dịch vụ viễn thông quốc tế theo lộ trình hội nhập quốc tế mà Việt Nam đã cam kết để phục vụ riêng cho Khu kinh tế mở Chu Lai thì các mức phí viễn thông quốc tế do các nhà đầu tư quyết định trong khuôn khổ các quy định của pháp luật về phí dịch vụ viễn thông quốc tế.

- Các loại thuế, phí và lệ phí khác được thực hiện theo quy định hiện hành tại các Luật thuế, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Pháp lệnh Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật khác.

2. Chế độ ưu đãi về giá và tiền thuê đất:

- Giá cho thuê đất do Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai quyết định theo từng dự án và từng giai đoạn phù hợp với thực tế và đảm bảo khuyến khích đầu tư trên cơ sở khung giá quy định của nhà nước.

- Việc miễn giảm tiền thuê đất do Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai đề nghị, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định. Việc miễn giảm tiền thuê đất phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

- Giá quyền sử dụng đất được xác định thông qua đấu giá quyền sử dụng đất do Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thí điểm tổ chức. Việc đấu giá phải được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Giá quyền sử dụng đất trong việc giao đất, cho thuê đất của dự án trong Khu kinh tế mở Chu Lai được xác định thông qua đấu thầu dự án do Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thí điểm tổ chức. Việc đấu thầu dự án tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cho thuê lại đất là mức giá thỏa thuận giữa các bên tham gia chuyển nhượng.

3. Chế độ ưu đãi về tín dụng đầu tư:

Các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế mở Chu Lai được vay vốn tín dụng của nhà nước theo quy định hiện hành.

B. CHẾ ĐỘ THƯỞNG CHO NGƯỜI CÓ CÔNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ VẬN ĐỘNG VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC

1. Căn cứ vào khả năng ngân sách, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định thưởng cho các tổ chức, cá nhân có công vận động vốn hỗ trợ phát triển chính thức, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Khu kinh tế mở Chu Lai. Mức thưởng cụ thể thực hiện theo Quy chế do Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai ban hành sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và chấp thuận (bằng văn bản) của Bộ Tài chính.

2. Kinh phí sử dụng để khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có công vận động vốn hỗ trợ phát triển chính thức, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Khu kinh tế mở Chu Lai được trích từ nguồn tiền thưởng của ngân sách địa phương và hạch toán vào mục chi tiền thưởng.

C. CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Về đầu tư từ ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Ngân sách nhà nước) để xây dựng cơ sở hạ tầng

1.1. Phạm vi, đối tượng đầu tư từ Ngân sách nhà nước:

- Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ để đầu tư xây dựng cho các công trình cơ sở hạ tầng chung của toàn Khu kinh tế mở

Chu Lai, không bao gồm cơ sở hạ tầng dành riêng cho từng khu chuyên biệt được quy hoạch trong Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng bằng vốn ngân sách nhà nước trong phạm vi Khu kinh tế mở Chu Lai.

1.2. Về đầu tư từ ngân sách trung ương để xây dựng cơ sở hạ tầng:

1.2.1. Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai là đầu mối được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, là chủ đầu tư trực tiếp quản lý các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương tại Khu kinh tế mở Chu Lai.

1.2.2. Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai phải tổ chức đấu thầu để lựa chọn đơn vị có đủ năng lực về tài chính, kinh nghiệm và uy tín để triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách nhà nước.

1.2.3. Vốn do ngân sách trung ương đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng Khu kinh tế mở Chu Lai là khoản đầu tư có mục tiêu của ngân sách trung ương cho Khu kinh tế mở Chu Lai. Mức vốn ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu kinh tế mở Chu Lai bằng với mức dự toán ngân sách nhà nước phù hợp với nhu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của Khu kinh tế mở Chu Lai theo đúng quy hoạch, chương trình, dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2.4. Quản lý, sử dụng vốn do ngân sách trung ương đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng Khu kinh tế mở Chu Lai:

- Lập kế hoạch vốn:

+ Hàng năm, trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế mở Chu Lai, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai xác định nhu cầu vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu kinh tế mở, trong đó nêu rõ danh mục các công trình cần đầu tư và mức độ ưu tiên đầu tư cho từng công trình, nhu cầu tổng vốn đầu tư và vốn đầu tư, cơ cấu vốn đầu tư từng công trình (nêu rõ nguồn vốn đầu tư: từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn ngân sách trung ương, hay nguồn vốn vay ...), kế hoạch triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu kinh tế mở gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, lập kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách trung ương trình cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Căn cứ vào dự toán ngân sách được phê duyệt, nhu cầu về vốn đầu tư của các dự án và tiến độ thực hiện, Bộ Tài chính xác định và thông báo cho Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về dự toán vốn ngân sách trung ương sẽ đầu tư cho Khu kinh tế mở Chu Lai.

+ Căn cứ vào dự toán vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho Khu kinh tế mở Chu Lai, Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai lập kế hoạch sử dụng vốn đầu tư theo quý gửi Bộ Tài chính.

- Sử dụng vốn:

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845-6681

+ Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai có trách nhiệm sử dụng vốn đầu tư riêng về cơ sở hạ tầng của ngân sách trung ương cho Khu kinh tế mở Chu Lai đúng mục đích và hiệu quả. Việc quản lý và sử dụng vốn phải theo đúng các quy định của Nhà nước về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

+ Trong trường hợp số vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho Khu kinh tế mở Chu Lai không đáp ứng được nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong Khu thì Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chủ động bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm của tỉnh số vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng Khu kinh tế mở.

+ Định kỳ vào thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai để xem xét, xác định lại tiến độ sử dụng vốn và nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương. Ngân sách trung ương sẽ chấm dứt việc đầu tư khi Khu kinh tế mở Chu Lai đã hoàn thành về cơ bản việc xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch.

- Trình tự, thủ tục, phương thức cấp phát, chế độ báo cáo và quyết toán vốn:

+ Vốn do ngân sách trung ương đầu tư hàng năm cho Khu kinh tế mở Chu Lai được cấp phát theo từng quý trên cơ sở: Dự toán vốn đầu tư hàng năm từ ngân sách trung ương đã được phê duyệt và thông báo cho Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai; Kế hoạch sử dụng vốn đầu tư theo quý do Ban quản lý Khu kinh tế

mở Chu Lai lập và gửi Bộ Tài chính; Tiến độ thực hiện các dự án được đầu tư bằng vốn ngân sách trung ương.

Hàng quý, trên cơ sở kế hoạch sử dụng vốn đầu tư quý do Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai lập và gửi Bộ Tài chính, tiến độ thực hiện dự án và đề nghị của Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, Bộ Tài chính sẽ xem xét và cấp vốn trực tiếp cho Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai để thực hiện các dự án theo kế hoạch.

Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán và thực hiện chế độ báo cáo về sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách trung ương phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách nhà nước.

2. Chế độ dùng quỹ đất để tạo vốn phát triển hạ tầng:

- Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai là đầu mối được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm và là chủ đầu tư trực tiếp quản lý các dự án sử dụng vốn từ quỹ đất tại Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai tổ chức đấu thầu để lựa chọn đơn vị có đủ năng lực về tài chính, kinh nghiệm và uy tín để triển khai thi công các dự án cơ sở hạ tầng đầu tư bằng vốn từ quỹ đất tại Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai xây dựng danh mục các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng toàn Khu kinh tế mở Chu Lai được sử dụng quỹ đất tạo vốn để Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Danh

mục các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng toàn Khu kinh tế mở Chu Lai là các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chung cho toàn Khu kinh tế mở Chu Lai và chi phí giải phóng mặt bằng cho đầu tư phát triển của Khu kinh tế mở Chu Lai.

- Việc sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng Khu kinh tế mở Chu Lai thực hiện theo Quyết định số 22/2003/QĐ-BTC ngày 18/02/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong việc sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

3. Huy động vốn bằng phát hành trái phiếu công trình để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng Khu kinh tế mở Chu Lai:

- Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai được phát hành trái phiếu công trình trong nước để huy động vốn đầu tư ngoài mức khống chế đối với mức huy động của tỉnh Quảng Nam.

- Việc phát hành trái phiếu công trình của Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thực hiện theo quy định tại Nghị định số 141/2003/CP ngày 20/11/2003 của Chính phủ về Quy chế phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương, và các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

D. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH ÁP DỤNG CHO BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI

1. Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai là đơn vị dự toán ngân sách nhà

nước, mọi kinh phí cho hoạt động của Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai do ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Nam cấp. Các khoản thu do Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thực hiện theo quy định đều phải nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai được phép thu các loại phí, lệ phí tương ứng với nhiệm vụ được các cơ quan quản lý nhà nước ủy quyền theo quy định hiện hành. Khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai có trách nhiệm thông báo và đăng ký với cơ quan thuế nơi Ban quản lý đặt trụ sở về việc thu các loại phí, lệ phí do thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

3. Ngoài các loại phí, lệ phí được thu do thực hiện các nhiệm vụ ủy quyền, Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai còn được thu các loại phí và lệ phí khác theo các quy định đối với các Ban quản lý Khu công nghiệp cấp tỉnh và Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những ưu đãi dành cho các doanh nghiệp hoạt động trong Khu kinh tế mở Chu Lai quy định tại Thông tư này cũng được áp dụng đối với các doanh nghiệp đã được hoạt động trên địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành; Các quy định về chế

độ tài chính khác được áp dụng từ năm ngân sách 2004. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trần Văn Tá

BỘ THƯƠNG MẠI

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 230/2004/QĐ-BTM ngày 25/02/2004 về việc thành lập Ban Nghiên cứu về Hiệp định Thương mại Tự do (FTA).

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;

Căn cứ ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Thương mại thành lập Ban Nghiên cứu và Đàm phán về Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) do Bộ Thương mại chủ trì, có đại diện

của các Bộ, ngành hữu quan tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 266/2003/QĐ-TTg ngày 17/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thị trường xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2004 - 2005;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Nghiên cứu về Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), gồm:

Trưởng ban: ông Lương Văn Tụ, Thứ trưởng Bộ Thương mại (trường hợp Thứ trưởng Lương Văn Tụ đi công tác vắng thì Thứ trưởng Trần Đức Minh thay thế trong thời gian Thứ trưởng Lương Văn Tụ vắng mặt).

Phó Trưởng ban: ông Trần Quốc Khánh, Vụ trưởng Vụ Chính sách Thương mại Đa biên, Bộ Thương mại.

Ủy viên kiêm Thư ký tổng hợp: 01 cán bộ cấp vụ Vụ Xuất nhập khẩu, Bộ Thương mại.

Các ủy viên:

- 01 cán bộ cấp vụ Vụ Thị trường Châu Á - Thái Bình Dương, Bộ Thương mại.

- 01 cán bộ cấp vụ Vụ Thị trường Châu Âu, Bộ Thương mại.

- 01 cán bộ cấp vụ Vụ Thị trường Châu Mỹ, Bộ Thương mại.